

KỶ NIỆM 190 NĂM NGÀY SINH C. MÁC (1818 - 5/5/2008)

QUAN NIỆM DUY VẬT VỀ LỊCH SỬ CỦA C.MÁC VÀ Ý NGHĨA THỜI ĐẠI CỦA NÓ

PHẠM VĂN ĐỨC(*)

Trên cơ sở trình bày một cách khái quát những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa duy vật lịch sử, trong bài viết này, tác giả đã luận chứng nhằm làm sáng tỏ, nổi bật thêm ý nghĩa thời đại của triết học Mác; phân tích những giá trị khoa học không thể phủ nhận trong tư tưởng của C.Mác về sự phát triển của xã hội, nhất là tư tưởng về sự hình thành và phát triển như một tất yếu khách quan của chủ nghĩa xã hội. Theo tác giả, nhiệm vụ của chúng ta hiện nay là phải nghiên cứu sâu và cụ thể hơn nữa các nguyên lý chung của chủ nghĩa duy vật lịch sử, vận dụng và phát triển sáng tạo triết học Mác để giải quyết những vấn đề mà thời đại đặt ra cho phù hợp với điều kiện lịch sử mới.

Trong *Lễ an táng C.Mác*, khi đánh giá công lao vĩ đại của C.Mác đối với sự phát triển của nhân loại, Ph.Ăngghen đã viết: “Giống như Đácuy-n đã tìm ra quy luật phát triển của thế giới hữu cơ, Mác đã tìm ra quy luật phát triển của lịch sử loài người: cái sự thật đơn giản đã bị những tầng tầng lớp lớp tư tưởng phủ kín cho đến ngày nay là: con người trước hết cần phải ăn, uống, chỗ ở và mặc đã rồi mới có thể làm chính trị, khoa học, nghệ thuật, tôn giáo và v.v. được; vì vậy, việc sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt vật chất trực tiếp và chính, mỗi một giai đoạn phát triển kinh tế nhất định của một dân tộc hay một thời đại tạo ra một cơ sở, từ đó mà người ta phát triển các thể chế nhà nước, các quan điểm pháp quyền, nghệ thuật và thậm chí cả những quan niệm tôn giáo của con người ta, cho nên phải xuất phát từ cơ sở đó mà giải thích những cái này, chứ không phải ngược lại, như từ trước đến nay người ta đã làm.

Nhưng không phải chỉ có thế thôi. Mác cũng tìm ra quy luật vận động riêng của

phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa hiện đại và của xã hội tư sản do phương thức đó đẻ ra. Với việc phát hiện ra giá trị thặng dư trong lĩnh vực này thì lập tức một ánh sáng đã hiện ra trong khi tất cả các công trình nghiên cứu trước đây của các nhà kinh tế học tư sản cũng như của các nhà phê bình xã hội chủ nghĩa vẫn đều mờ mịt trong bóng tối”(1).

Ph.Ăngghen coi đó là hai phát minh vĩ đại của C.Mác - *quan niệm duy vật về lịch sử và học thuyết giá trị thặng dư* (2). Vấn đề đặt ra là, nội dung của quan niệm duy vật lịch sử gồm những gì và việc phát hiện ra quan niệm đó có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển của triết học Mác nói riêng và chủ nghĩa Mác nói chung?

(*) Phó giáo sư, Tiến sĩ, Viện trưởng Viện Triết học, Tổng biên tập Tạp chí Triết học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

(1) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.19. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 499-500.

(2) Xem: C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.19, tr. 164-170.

Triết học Mác, như chúng ta đều biết, bao gồm 2 bộ phận có mối liên hệ hữu cơ với nhau, đó là *chủ nghĩa duy vật biện chứng* và *chủ nghĩa duy vật lịch sử* (hay còn gọi là quan niệm duy vật về lịch sử). Chủ nghĩa duy vật biện chứng được hiểu là khoa học về các quy luật vận động và phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và của tư duy con người; còn chủ nghĩa duy vật lịch sử là bộ môn khoa học nghiên cứu các quy luật vận động và phát triển của xã hội với tư cách một chỉnh thể. Vì vậy, nếu các môn khoa học xã hội chuyên ngành, như kinh tế học, luật học, sử học, xã hội học nghiên cứu từng mặt khác nhau của đời sống xã hội, thì chủ nghĩa duy vật lịch sử nghiên cứu toàn bộ xã hội như một chỉnh thể thống nhất. Các quy luật xã hội mà nó nghiên cứu là những quy luật tác động trong tất cả hoặc trong nhiều hình thái kinh tế - xã hội.

Các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử được C.Mác trình bày ở nhiều tác phẩm khác nhau, nhưng tập trung nhất là trong *Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị. Lời tựa*. Chúng ta có thể tóm tắt lại những nguyên lý đó trong một số điểm sau đây:

Thứ nhất, tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội, chứ không phải ngược lại - ý thức xã hội quyết định tồn tại xã hội.

Thứ hai, phương thức sản xuất đời sống vật chất quyết định các quá trình sinh hoạt xã hội, chính trị và tinh thần nói chung.

Thứ ba, trong sự sản xuất xã hội ra đời sống của mình, con người có những quan hệ nhất định, tất yếu, không phụ thuộc vào ý muốn của họ - tức những quan hệ sản xuất, những quan hệ này phù hợp với một

trình độ phát triển nhất định của các lực lượng sản xuất vật chất của họ. Toàn bộ những quan hệ sản xuất ấy hợp thành cơ cấu kinh tế của xã hội, tức là cái cơ sở hiện thực mà trên đó, dựng lên một kiến trúc thượng tầng pháp lý và chính trị cùng với những hình thái ý thức xã hội nhất định tương ứng với cơ sở hiện thực ấy.

Thứ tư, tới một giai đoạn phát triển nào đó, các lực lượng sản xuất vật chất của xã hội mâu thuẫn với những quan hệ sản xuất hiện có, hay đây chỉ là biểu hiện pháp lý của những quan hệ sản xuất ấy - mâu thuẫn với những quan hệ sở hữu, trong đó, từ trước đến nay, các lực lượng sản xuất vẫn phát triển. Từ chỗ là những hình thức phát triển của lực lượng sản xuất, những quan hệ ấy trở thành những xiềng xích của các lực lượng sản xuất. Khi đó bắt đầu thời đại một cuộc cách mạng xã hội.

Thứ năm, cơ sở kinh tế thay đổi thì toàn bộ kiến trúc thượng tầng cũng đảo lộn ít nhiều nhanh chóng. Khi xem xét những cuộc đảo lộn ấy, bao giờ cũng cần phân biệt cuộc đảo lộn vật chất trong những điều kiện kinh tế của sản xuất, với những hình thái pháp lý, chính trị, tôn giáo, nghệ thuật hay triết học, tóm lại, với những hình thái tư tưởng trong đó con người ý thức được cuộc xung đột ấy và đấu tranh để giải quyết nó.

Thứ sáu, không một hình thái xã hội nào diệt vong trước khi tất cả những lực lượng sản xuất mà hình thái xã hội đó tạo địa bàn đầy đủ cho phát triển, vẫn chưa phát triển, và những quan hệ sản xuất mới, cao hơn cũng không bao giờ xuất hiện trước khi những điều kiện tồn tại vật chất của những quan hệ đó chưa chín muồi trong lòng bản thân xã hội cũ.

Thứ bảy, về đại thể, có thể coi phương thức sản xuất châu Á, cổ đại, phong kiến và tư sản hiện đại là những thời đại tiến triển dần dần của hình thái kinh tế - xã hội.

Thứ tám, các quan hệ sản xuất tư sản là hình thức đối kháng cuối cùng của quá trình sản xuất xã hội, đối kháng không phải với ý nghĩa là đối kháng cá nhân, mà với ý nghĩa là đối kháng nảy sinh từ những điều kiện sinh hoạt xã hội của các cá nhân; nhưng những lực lượng sản xuất phát triển trong lòng xã hội tư sản đồng thời cũng tạo ra những điều kiện vật chất để giải quyết đối kháng ấy. Cho nên, với hình thái xã hội tư sản, thời kỳ tiền sử của xã hội loài người đang kết thúc(3).

Sự ra đời của chủ nghĩa duy vật lịch sử đã đem lại cho triết học một quan niệm vừa duy vật, vừa biện chứng về lịch sử; đã kết hợp một cách hữu cơ chủ nghĩa duy vật với phép biện chứng. Đó chính là một trong những ý nghĩa thời đại mà C.Mác đã đóng góp cho nhân loại. Điều đó thể hiện ở chỗ:

Thứ nhất, theo cách giải thích của V.I.Lênin, chủ nghĩa duy vật lịch sử chính là sự vận dụng triệt để những nguyên lý của chủ nghĩa duy vật để xem xét lĩnh vực các hiện tượng xã hội.

Sự vận dụng triệt để nguyên lý của chủ nghĩa duy vật được thể hiện ở chỗ, chủ nghĩa duy vật lịch sử đã vận dụng quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức để nghiên cứu và giải thích sự phát triển xã hội. Vật chất trong lĩnh vực xã hội được chủ nghĩa duy vật lịch sử quan niệm là tồn tại xã hội, còn ý thức trong lĩnh vực xã hội là ý thức xã hội.

Tồn tại xã hội bao gồm nhiều yếu tố khác nhau, song yếu tố quan trọng nhất là *phương thức sản xuất*. Phương thức sản

xuất là yếu tố quyết định nhất trong tồn tại xã hội, bên cạnh các yếu tố cấu thành khác là *hoàn cảnh địa lý* và *mật độ dân số*. Trên thực tế, trong lịch sử triết học, có học thuyết nhấn mạnh quá mức vai trò của yếu tố địa lý, đồng thời cũng có học thuyết nói đến vai trò quyết định của yếu tố dân số đối với sự phát triển xã hội. Trái với các học thuyết đó, trong khi không coi nhẹ vai trò của yếu tố địa lý và dân số, chủ nghĩa duy vật lịch sử khẳng định *vai trò quyết định của phương thức sản xuất*.

Mỗi phương thức sản xuất nhất định trong lịch sử là sự thống nhất biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, trong đó lực lượng sản xuất là biểu hiện của mối quan hệ giữa con người và tự nhiên, là sự thống nhất hữu cơ giữa tư liệu sản xuất và người lao động. Người lao động sử dụng tư liệu sản xuất hiện có, trước hết là công cụ lao động, để tác động vào tự nhiên và qua đó, tạo ra toàn bộ của cải vật chất, bảo đảm cho sự tồn tại và phát triển của xã hội. Còn quan hệ sản xuất được quan niệm là mối quan hệ giữa con người với con người trong quá trình sản xuất, được biểu hiện trên ba phương diện: sở hữu, tổ chức quản lý và phân phối sản phẩm. Trong mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, lực lượng sản xuất đóng vai trò quyết định và chi phối. Chính vì vậy, trong các yếu tố cấu thành tồn tại xã hội, phương thức sản xuất là yếu tố quan trọng nhất, còn các yếu tố khác là tiền đề và điều kiện cho sự vận động và phát triển của phương thức sản xuất.

Ý thức xã hội là sự phản ánh của tồn tại xã hội ở hai trình độ: *tâm lý xã hội* và *hệ tư tưởng*; đồng thời, nó còn được biểu hiện dưới

(3) Xem: C. Mác và Ph. Ăngghen. *Sđđ.*, t. 13, tr. 13-17.

các hình thái cơ bản khác, như *ý thức chính trị, ý thức pháp quyền, ý thức đạo đức, tôn giáo, nghệ thuật, khoa học và triết học*.

Nếu như chủ nghĩa duy vật biện chứng thừa nhận rằng, vật chất là cái có trước và quyết định ý thức, còn ý thức là cái có sau và là sản phẩm của vật chất có tổ chức cao là bộ óc con người; là sự phản ánh tự giác thế giới vật chất vào trong bộ óc con người, đồng thời có tác động tích cực trở lại đối với sự tồn tại và phát triển của thế giới vật chất thì chủ nghĩa duy vật lịch sử cũng khẳng định rằng, tồn tại xã hội có trước và quyết định ý thức xã hội; ý thức xã hội là cái có sau và là sự phản ánh tự giác, tích cực ít nhiều tồn tại xã hội; nó có tính độc lập tương đối và đặc biệt là, thông qua hoạt động của con người, có tác động trở lại tồn tại xã hội. Với tính chất này, ý thức xã hội có thể đóng vai trò đẩy nhanh hoặc kìm hãm sự phát triển của tồn tại xã hội.

Song, chủ nghĩa duy vật lịch sử không dừng lại ở việc lý giải nguyên lý chung về mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, mà còn đi sâu phân tích kết cấu của xã hội, xác định vị trí, vai trò của từng yếu tố cấu thành xã hội, đồng thời xem xét mối quan hệ biện chứng giữa các yếu tố đó. Với việc ra đời của khái niệm *hình thái kinh tế - xã hội*, C.Mác đã cung cấp cho khoa học xã hội *cách tiếp cận mới* khi nghiên cứu về xã hội. Sự thay thế khái niệm xã hội nói chung bằng khái niệm hình thái kinh tế - xã hội cho phép chúng ta hình dung rõ các yếu tố cấu thành xã hội, các giai đoạn phát triển của xã hội, đồng thời thấy được nguyên nhân vận động và phát triển của xã hội nói chung. Khái niệm hình thái kinh tế - xã hội là khái niệm dùng để chỉ xã hội ở một giai đoạn lịch sử nhất định tương ứng với một kiểu quan hệ sản xuất đặc

trưng cho xã hội đó và một kiểu kiến trúc thượng tầng được xây dựng trên những quan hệ sản xuất ấy. Nhưng, kiểu quan hệ sản xuất đặc trưng cho một xã hội bao giờ cũng tương ứng với một trình độ phát triển nhất định của lực lượng sản xuất, do lực lượng sản xuất đó quy định. Sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là một *quá trình lịch sử - tự nhiên*.

Trong hình thái kinh tế - xã hội, theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử, cơ sở hạ tầng (bao gồm tổng thể các quan hệ sản xuất) có vai trò quyết định đối với kiến trúc thượng tầng (bao gồm hệ tư tưởng, các thể chế và các quan hệ tương ứng - cái được thiết lập trên cơ sở hạ tầng đó. Tuy nhiên, kiến trúc thượng tầng có tính độc lập tương đối và có tác động ngược trở lại đối với cơ sở hạ tầng. Đây chính là điểm mà C.Mác đã nói đến khi khẳng định rằng, “cơ sở kinh tế thay đổi thì toàn bộ cái kiến trúc thượng tầng đồ sộ cũng bị đảo lộn ít nhiều nhanh chóng”.

Thứ hai, với sự ra đời của chủ nghĩa duy vật lịch sử, các nguyên lý của phép biện chứng cũng được áp dụng triệt để vào việc xem xét và lý giải sự phát triển của xã hội.

Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử, mỗi hiện tượng, quá trình xã hội đều có muôn vàn mối liên hệ qua lại với các hiện tượng, quá trình khác của cả tự nhiên, xã hội lẫn tư duy con người. Đây chính là sự vận dụng nguyên lý về mối liên hệ phổ biến của phép biện chứng vào xem xét xã hội.

Cùng với nguyên lý về mối liên hệ phổ biến, nguyên lý về sự phát triển cũng được chủ nghĩa duy vật lịch sử vận dụng để xem xét sự phát triển của xã hội. Nếu như phép biện chứng cho rằng, tự nhiên là một quá trình (Hêghen), mọi sự vật, hiện tượng luôn ở trong quá trình vận động và phát

triển thì chủ nghĩa duy vật lịch sử cũng khẳng định rằng, xã hội nói chung cũng như mỗi hiện tượng xã hội nói riêng đều ở trong trạng thái vận động và phát triển không ngừng. Toàn bộ lịch sử vận động và phát triển của xã hội loài người là sự thay thế lẫn nhau của các hình thái kinh tế - xã hội mà mỗi hình thái kinh tế - xã hội sau bao giờ cũng là một sự phát triển cao hơn hình thái kinh tế - xã hội trước đó. Mỗi hình thái kinh tế - xã hội có một phương thức sản xuất đặc trưng. Về đại thể, như C.Mác đã viết, có thể coi phương thức sản xuất châu Á, cổ đại, phong kiến và tư sản hiện đại là những thời đại tiến triển dần dần của hình thái kinh tế - xã hội.

Đồng thời, chủ nghĩa duy vật lịch sử còn chỉ ra nguồn gốc sâu xa của sự phát triển xã hội là sự đấu tranh giữa các mặt đối lập nằm ngay trong lòng của xã hội, trước hết là sự đấu tranh giữa lực lượng sản xuất mới với quan hệ sản xuất cũ đã lỗi thời, đang kìm hãm sự phát triển của nó. Trong xã hội có giai cấp đối kháng thì sự đấu tranh giữa lực lượng sản xuất mới với quan hệ sản xuất cũ được thể hiện thành cuộc đấu tranh giữa giai cấp đại diện cho lực lượng sản xuất mới và giai cấp đại diện cho quan hệ sản xuất cũ. Cuộc đấu tranh giữa các giai cấp đối kháng sẽ dẫn đến cách mạng xã hội, tức là dẫn đến bước nhảy vọt về chất trong sự phát triển của xã hội.

Cách mạng xã hội có nhiệm vụ cải tạo một cách căn bản toàn bộ các lĩnh vực của đời sống xã hội, trước hết là lĩnh vực kinh tế và chính trị. Trong lĩnh vực kinh tế, cách mạng xã hội có nhiệm vụ giải quyết sự xung đột giữa lực lượng sản xuất mới và quan hệ sản xuất cũ nhằm thay thế quan hệ sản xuất cũ, lạc hậu bằng quan hệ sản xuất mới phù hợp hơn với lực lượng sản

xuất mới. Trong lĩnh vực chính trị, cách mạng xã hội có nhiệm vụ giải quyết sự xung đột giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, thay thế chính quyền nhà nước cũ bằng chính quyền nhà nước mới. Phương thức để thay thế nhà nước cũ bằng nhà nước mới là cách mạng bạo lực, bởi nhà nước là sản phẩm của những mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa được, đồng thời là công cụ, là lực lượng trấn áp đặc biệt của giai cấp này đối với giai cấp khác.

Kết quả của các cuộc cách mạng xã hội đã dẫn đến sự thay thế hình thái kinh tế - xã hội này bằng hình thái kinh tế - xã hội mới cao hơn. Tất cả các hình thái kinh tế - xã hội đã thay thế nhau trong lịch sử tạo nên chuỗi phát triển tiến bộ của xã hội loài người. Tuy nhiên, các hình thái kinh tế - xã hội khác nhau trong lịch sử vẫn chỉ là những nấc thang nhất thời trên con đường phát triển của xã hội loài người từ thấp đến cao, như Ph.Ăngghen đã khẳng định mà thôi(4).

Bên cạnh ý nghĩa đối với triết học, sự ra đời của chủ nghĩa duy vật lịch sử còn là cơ sở lý luận cho sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học. Trong bài *Các Mác* (1877), Ph.Ăngghen đã nhận xét rằng, chủ nghĩa xã hội khoa học đã được xây dựng dựa trên hai phát minh vĩ đại của C.Mác mà một trong hai phát minh đó là quan niệm duy vật về lịch sử (hay chủ nghĩa duy vật lịch sử).

Đánh giá về lý luận chủ nghĩa xã hội trước C.Mác, Ph.Ăngghen cho rằng, “chủ nghĩa xã hội cũ không thể phù hợp với quan niệm duy vật lịch sử ấy, cũng giống như quan niệm về tự nhiên của những nhà

(4) Trong khi viết về vấn đề này, tác giả có tham khảo bài giảng của GS.TS. Lê Hữu Tầng – “Nội dung cơ bản của Triết học Mác – Lênin và chức năng phương pháp luận của nó trong nhận thức và cải tạo thực tiễn”.

duy vật Pháp không thể phù hợp với phép biện chứng và khoa học tự nhiên cận đại. Chủ nghĩa xã hội trước kia tuy có phê phán phương thức sản xuất tư bản hiện có và những kết quả của phương thức ấy, nhưng không thể giải thích được phương thức sản xuất ấy và vì thế cũng không đánh đổ được phương thức sản xuất ấy; nó chỉ có thể tuyên bố một cách đơn giản rằng phương thức ấy là vô dụng. Chủ nghĩa xã hội trước kia càng phần nộ đối với sự bóc lột không thể tránh khỏi mà giai cấp công nhân phải chịu trong phương thức sản xuất ấy thì nó lại càng không thể vạch rõ cho thấy rằng sự bóc lột ấy là ở chỗ nào và do đâu mà có"(5).

Do đó, theo Ph.Ăngghen, vấn đề đặt ra là, *một mặt*, cần trình bày phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trong mối liên hệ lịch sử của nó, trong tính tất yếu của sự sinh thành, phát triển và tiêu vong của nó, nhưng *mặt khác*, cũng phải vạch trần tính chất bên trong, vẫn còn ẩn giấu của phương thức sản xuất ấy. Cả hai điều đó chỉ có thể thực hiện được nhờ quan niệm duy vật về lịch sử và học thuyết giá trị thặng dư của C.Mác. Tuy nhiên, trong bài viết này, chúng tôi chỉ tập trung làm rõ ý nghĩa của quan niệm duy vật về lịch sử đối với sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học.

Theo quan niệm duy vật về lịch sử, sản xuất và trao đổi là cơ sở của mọi chế độ xã hội; trong mọi xã hội đã từng xuất hiện trong lịch sử, sự phân phối sản phẩm và cùng với sự phân phối ấy, - sự phân chia xã hội thành giai cấp, đẳng cấp, - bị quy định bởi những cái được sản xuất ra, bởi cách thức sản xuất và trao đổi những vật phẩm đã được sản xuất ra đó. Chính vì vậy, "phải tìm những nguyên nhân cuối cùng của tất cả những biến đổi xã hội và những đảo lộn chính trị không phải trong đầu óc người

ta..., mà là trong những biến đổi của phương thức sản xuất và phương thức trao đổi; cần phải tìm những nguyên nhân đó không phải trong *triết học*, mà là trong *kinh tế* của thời đại tương ứng"(6).

Có thể khẳng định rằng, trong chủ nghĩa duy vật lịch sử, học thuyết hình thái kinh tế - xã hội là một trong những nền tảng lý luận quan trọng của lý luận về chủ nghĩa xã hội của C.Mác và Ph.Ăngghen. Theo học thuyết đó, sự vận động của mâu thuẫn cơ bản của xã hội, như trên đã trình bày, bắt nguồn từ quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với trình độ nhất định của lực lượng sản xuất, thượng tầng kiến trúc phải phù hợp với hạ tầng cơ sở; trong đó, lực lượng sản xuất là yếu tố năng động nhất, cách mạng nhất. Sự phát triển của xã hội trước hết được thể hiện ở sự phát triển của lực lượng sản xuất. Sự phát triển của lực lượng sản xuất sớm hay muộn cũng sẽ dẫn đến sự thay đổi của quan hệ sản xuất. Điều đó có nghĩa là, bất kỳ sự thay đổi nào trong quan hệ sản xuất đều là kết quả tất yếu của việc quan hệ sản xuất cũ không còn phù hợp, trở thành xiềng xích trói buộc sự phát triển của lực lượng sản xuất. Đó chính là cơ sở và quy luật khách quan để khẳng định chủ nghĩa tư bản tất yếu phải được thay thế bằng một xã hội mới, phát triển cao hơn và tốt đẹp hơn.

Còn trong xã hội có giai cấp, mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất được biểu hiện về mặt xã hội thành mâu thuẫn giữa giai cấp bóc lột và giai cấp bị bóc lột, giữa giai cấp thống trị và giai cấp bị trị. Cuộc đấu tranh giữa các giai cấp đó là động lực thúc đẩy sự phát triển của

(5) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sdd.*, t.19. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 304.

(6) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sdd.*, t. 20, tr. 371.

xã hội trong các xã hội có giai cấp. Trong xã hội tư bản, mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất biểu hiện thành mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản. Do đó, sự ra đời của chủ nghĩa xã hội là kết quả của cuộc đấu tranh giữa giai cấp vô sản với giai cấp tư sản. Đó cũng là một tất yếu lịch sử.

Như vậy, quan niệm duy vật về lịch sử đã chỉ ra xu hướng khách quan và các động lực phát triển của xã hội loài người, trong đó chủ nghĩa tư bản với tư cách một hình thái kinh tế - xã hội chỉ là một giai đoạn phát triển của lịch sử và nó tất yếu sẽ bị thay thế bởi một hình thái kinh tế - xã hội cao hơn; trong đó, học thuyết giá trị thặng dư bóc trần bí mật của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa thông qua bóc lột giá trị thặng dư, đồng thời vạch rõ địa vị và sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản - người đào huyệt chôn chủ nghĩa tư bản. Xuất phát từ hai phát hiện ấy, C.Mác và Ph.Ăngghen đã rút ra kết luận rằng, *sự sụp đổ của giai cấp tư sản và sự thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau; cũng như vậy, chủ nghĩa tư bản tất yếu sẽ phải bị thay thế bằng chủ nghĩa cộng sản.*

Kết luận trên đây là một kết luận khoa học và chính nó tạo nên cái cốt lõi của lý luận mácxít về chủ nghĩa xã hội. Không phải ngẫu nhiên mà sau này, trong *Chống Duyrinh* và trong *Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học*, Ph.Ăngghen đã nhận xét rằng, "hai phát hiện vĩ đại ấy - quan niệm duy vật về lịch sử và việc dùng giá trị thặng dư để bóc trần bí mật của sản xuất tư bản chủ nghĩa - là công lao của Mác. Nhờ hai phát hiện ấy, chủ nghĩa xã hội đã trở thành một khoa học mà ngày nay, *vấn đề trước hết là phải nghiên cứu thêm, trong mọi chi tiết và mọi*

mối liên hệ của nó"(7) (chúng tôi nhấn mạnh - P.V.Đ).

Nhận xét trên đây cho thấy, khi nói tới *tính chất khoa học* của lý luận mácxít về chủ nghĩa xã hội, Ph.Ăngghen muốn nói trước hết tới *cơ sở khoa học* của lý luận ấy và của kết luận cơ bản mà nó đi tới - kết luận về sự thay thế tất yếu chủ nghĩa tư bản bằng chủ nghĩa cộng sản - là hai phát minh trên đây. Còn chủ nghĩa cộng sản ấy sẽ như thế nào, "mọi chi tiết và mọi mối liên hệ" của nó, v.v. trong tương lai sẽ ra sao thì, theo Ph.Ăngghen, đó là công việc sẽ còn phải tiếp tục nghiên cứu. Vấn đề đặt ra là, dựa trên cơ sở nào mà C.Mác và Ph.Ăngghen nghiên cứu xã hội mới trong *mọi chi tiết và mối liên hệ* của nó.

Ngay từ năm 1843, bản thân C.Mác đã ý thức được rất rõ ràng rằng: "Chúng ta không cố đoán trước về tương lai một cách giáo điều, mà chỉ mong tìm ra cái thế giới mới qua sự phê phán thế giới cũ... Song nếu việc cấu tạo tương lai và tuyên bố dứt khoát những quyết định in sẵn cho tất cả mọi thời kỳ sắp đến không phải là việc của chúng ta, thì chúng ta càng biết rõ là mình cần phải làm gì trong hiện tại, - tôi nói đến sự *phê phán thẳng tay toàn bộ cái hiện tồn*, thẳng tay theo hai nghĩa: sự phê phán này không sợ những kết luận của mình và không lùi bước trước sự đụng độ với những cơ quan cầm quyền"(8).

Vào năm 1917, tức 74 năm sau, V.I.Lênin cũng đặt lại vấn đề căn cứ để dự đoán về những đặc trưng của xã hội mới. V.I. Lênin viết: "Xuất phát từ những căn cứ nào, mà có thể đặt vấn đề sự phát triển tương lai của chủ nghĩa cộng sản tương lai?"

(7) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t. 19, tr. 305.

(8) C.Mác và Ph. Ăngghen. *Sđđ.*, t.1, tr. 520.

Xuất phát từ chỗ là chủ nghĩa cộng sản *hình thành* từ chủ nghĩa tư bản, phát triển lên, trong quá trình lịch sử, từ chủ nghĩa tư bản, là kết quả của sự tác động của một lực lượng xã hội do chủ nghĩa tư bản *sinh ra*. Trong tài liệu của Mác, người ta không thấy mảy may một ý định nào nhằm bịa ra những ảo tưởng, nhằm đặt ra những dự đoán vu vơ về những điều mà người ta không thể nào biết được. Mác đặt vấn đề chủ nghĩa cộng sản giống như một nhà tự nhiên học đặt, chẳng hạn, vấn đề tiến hoá của một giống sinh vật mới, một khi đã biết nguồn gốc của nó và định được rõ rệt hướng của những biến đổi của nó"(9).

Điều đó hoàn toàn dễ hiểu. Bởi lẽ, cho đến khi C.Mác và Ph.Ăngghen qua đời, chủ nghĩa xã hội vẫn chưa tồn tại trong hiện thực. Những điều mà các ông nói về chủ nghĩa xã hội là kết quả rút ra từ sự nghiên cứu xã hội tư bản - một xã hội đang tồn tại, chứ không phải là kết quả nghiên cứu được rút ra trên cơ sở phân tích chính các sự kiện của xã hội tương lai ấy. Chính vì thế, với một thái độ khoa học, nghiêm túc, thận trọng, khi nói tới các đặc trưng của xã hội tương lai, C.Mác và Ph.Ăngghen chỉ khẳng định những đặc trưng ấy như những cái *có thể xảy ra mà thôi*(10). Điều đó cũng tương tự như nói về các giai đoạn của cách mạng xã hội chủ nghĩa và khả năng phát triển "rút ngắn" của các nước chưa trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Vì là những dự đoán về cái có thể xảy ra, nên lúc sinh thời, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác cũng thường xuyên điều chỉnh các dự đoán của mình. Chẳng hạn, trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C.Mác và Ph.Ăngghen đã nói đến 10 biện pháp để tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã

hội ở riêng *những nước tiên tiến nhất* (chứ không phải đối với tất cả các nước). Tuy nhiên, các ông cũng thận trọng coi đó là những biện pháp *sẽ có thể* được áp dụng *khá* phổ biến, chứ không phải là những biện pháp *dứt khoát phải* áp dụng như nhau ở mọi nơi, mọi lúc.

Hơn hai mươi năm sau, trong Lời tựa viết cho lần xuất bản bằng tiếng Đức (năm 1872) *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C.Mác và Ph.Ăngghen đã nhắc lại và nhấn mạnh rằng, không nên quá câu nệ vào những biện pháp đó và nếu ngày nay được viết lại đoạn nói về 10 biện pháp ấy thì về nhiều mặt, phải được viết khác đi.

Vậy, cái đảm bảo cho tính khoa học, cho độ tin cậy của các kết luận và các tiên đoán của C.Mác về xã hội tương lai là gì? Từ sự phân tích nội dung của chủ nghĩa duy vật lịch sử và ý nghĩa của nó, chúng ta có thể khẳng định rằng, cái đảm bảo cho tính khoa học và độ tin cậy của các dự đoán của C.Mác và Ph.Ăngghen về xã hội tương lai chính là việc phân tích sự vận động và phát triển của xã hội loài người nói chung và xã hội tư bản nói riêng để từ đó, suy ra kết quả tác động của các quy luật đang chi phối sự vận động và phát triển của xã hội tư bản đương thời.

Tuy nhiên, vì là những tiên đoán về tương lai, dựa trên xu hướng phát triển của sự vật, về *cái sẽ có trong tương lai* nên những nội dung cụ thể đó của nó sẽ như thế nào còn tùy thuộc vào hoàn cảnh và sự biến đổi của hoàn cảnh trong tương lai. Do vậy, tính chân lý của của những dự đoán về

(9) V.I. Lênin. *Toàn tập*, t. 33. Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1976, tr. 104.

(10) Xem: Lê Hữu Tầng (Chủ biên). *Chủ nghĩa xã hội từ lý luận đến thực tiễn: những bài học kinh nghiệm chủ yếu*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003, tr.30-31.

các nội dung cụ thể của xã hội tương lai vẫn phải được kiểm nghiệm trong thực tiễn. Bởi vì, xét đến cùng, thực tiễn, theo quan điểm của triết học Mác, là tiêu chuẩn cơ bản để kiểm nghiệm chân lý.

Sau sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu những năm 90 của thế kỷ trước, không ít người vốn tin theo triết học Mác nói riêng và chủ nghĩa Mác nói chung đã đi đến nghi ngờ tính đúng đắn của chủ nghĩa duy vật lịch sử, trực tiếp là học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội.

Thực tiễn những năm cuối thế kỷ XX - đầu thế kỷ XXI không hề phủ nhận tính khoa học của chủ nghĩa duy vật lịch sử; trái lại, càng khẳng định tính đúng đắn và khoa học của nó. Theo những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử mà chúng tôi đã trình bày ở trên, sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu những năm 90 của thế kỷ XX là một tất yếu. Đó là sự sụp đổ của một mô hình cụ thể về chủ nghĩa xã hội. Thay vì cần tạo ra một phương thức sản xuất tiên tiến hơn so với phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, mô hình đó lại chứa nhiều khuyết tật; hơn nữa, các khuyết tật này lại không sớm được nhận thức và khắc phục kịp thời. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản và quá trình toàn cầu hóa đang diễn ra rộng khắp trên toàn thế giới đang chứng minh luận điểm của C.Mác coi sự phát triển của xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên, trong đó giai đoạn phát triển sau bao giờ cũng tiến bộ hơn giai đoạn phát triển trước; chúng minh các nguyên lý của chủ nghĩa duy vật lịch sử vẫn còn nguyên giá trị và chủ nghĩa tư bản nhất định sẽ được thay thế bằng một xã hội mới phát triển cao hơn, tiến bộ hơn.

Bên cạnh đó, sự thành công của công cuộc cải cách, mở cửa, đổi mới ở Trung Quốc và Việt Nam cũng bổ sung thêm những chi tiết mới vào con đường, cách thức xây dựng chủ nghĩa xã hội đối với những nước thực hiện bước quá độ “rút ngắn”, không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa; đồng thời, khẳng định kiên trì chủ nghĩa Mác không có nghĩa là áp dụng một cách nguyên xi, máy móc, mà là vận dụng một cách khoa học và sáng tạo những tư tưởng của các ông trong điều kiện lịch sử mới. Chính sự sáng tạo trong vận dụng, sự bổ sung và hoàn thiện những nguyên lý chủ nghĩa Mác cho phù hợp với hoàn cảnh lịch sử mới của thời đại là con đường đúng đắn để bảo vệ chủ nghĩa Mác, để kiên trì đi theo chủ nghĩa Mác. Đó cũng là một nhiệm vụ cấp bách đang đặt ra cho những người làm công tác lý luận ở nước ta hiện nay.

Liên quan đến nhiệm vụ này, vào cuối những năm 90 của thế kỷ trước, cùng với sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu, nhiều học giả đã nhắc tới học thuyết về các nền văn hoá và văn minh. Trong số đó, một số người đã coi nó là một lý thuyết khoa học và có thể thay thế cho cách tiếp cận hình thái kinh tế - xã hội của C.Mác. Công bằng mà nói, học thuyết về các nền văn hóa, văn minh có nhiều điểm đáng được quan tâm nghiên cứu. Tuy nhiên, nếu xem xét kỹ cách tiếp cận hình thái kinh tế - xã hội, chúng ta có thể thấy, trong khi coi trọng vai trò quyết định của nhân tố kinh tế, C.Mác không hề bỏ qua yếu tố văn hoá trong sự phát triển xã hội. Nhưng theo quan điểm của C.Mác, yếu tố văn hóa luôn chịu sự quy định và phụ

thuộc vào yếu tố vật chất. Đồng thời với việc khẳng định sự thay thế lẫn nhau của các hình thái kinh tế – xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên, trong đó hình thái kinh tế – xã hội phát triển sau luôn tiến bộ hơn hình thái kinh tế – xã hội trước đó, học thuyết hình thái kinh tế – xã hội còn thừa nhận sự kế thừa và phát triển của các nền văn minh nhân loại, coi sự thay thế các hình thái kinh tế – xã hội cũng chính là sự thay thế các nền văn minh.

Trong khi khẳng định tính đúng đắn, tính nguyên giá trị của những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, nhiệm vụ của những người làm công tác nghiên cứu triết học là phải cụ thể hóa và nghiên cứu sâu thêm các nguyên lý chung đó. Điều quan trọng trước hết, theo chúng tôi, cần làm rõ hàng loạt vấn đề về mối quan hệ giữa cái đóng vai trò quyết định (tồn tại xã hội, lực lượng sản xuất, cơ sở hạ tầng, v.v.) và cái bị quyết định (ý thức xã hội, quan hệ sản xuất, kiến trúc thượng tầng, v.v.). Sinh thời, V.I.Lênin đã từng khẳng định: “Đương nhiên, sự đối lập giữa vật chất và ý thức chỉ có ý nghĩa tuyệt đối trong những phạm vi hết sức hạn chế: trong trường hợp này, chỉ giới hạn trong vấn đề nhận thức luận cơ bản là thừa nhận cái gì là cái có trước và cái gì là cái có sau? Ngoài giới hạn đó, thì không còn nghi ngờ gì nữa rằng sự đối lập đó là tương đối”(11). Áp dụng tư tưởng trên đây của V.I.Lênin về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức, chúng ta có thể đặt vấn đề rằng, phải chăng các yếu tố quyết định đã được nhắc đến ở trên luôn đóng vai trò quyết định trong mọi hoàn cảnh, mọi điều kiện lịch sử hay chỉ đóng vai trò quyết định khi xét đến cùng? Nếu các yếu tố quyết định chỉ đóng vai trò

quyết định khi xét đến cùng thì trong trường hợp và điều kiện nào, nhân tố bị quyết định trở thành cái có vai trò quyết định? Điều này rất quan trọng trong hoạt động thực tiễn khi muốn phát huy vai trò của nhân tố chủ quan nhưng lại tránh được chủ nghĩa chủ quan duy ý chí cũng như chủ nghĩa giáo điều. Chẳng hạn, chủ nghĩa duy vật lịch sử khẳng định rằng, cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng, còn kiến trúc thượng tầng là sự phản ánh của cơ sở hạ tầng và có tác động ngược trở lại đối với cơ sở hạ tầng. Nhưng, sự tác động ngược trở lại cần được hiểu như thế nào và đến mức độ nào, có khi nào kiến trúc thượng tầng làm thay đổi cơ sở hạ tầng không hay nó chỉ luôn là yếu tố chịu sự tác động, bị động trong quan hệ với cơ sở hạ tầng? Hoặc, vai trò của văn hóa đối với sự phát triển xã hội cũng cần được lý giải thấu đáo về mặt triết học. Văn hóa, theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử, bị quy định bởi những điều kiện sinh hoạt vật chất của con người. Vậy, cần lý giải như thế nào vai trò của văn hóa với tư cách động lực của sự phát triển xã hội, v.v..

Tất cả những điều trình bày trên đây đã khẳng định những đóng góp vĩ đại của C.Mác đối với thời đại của ông và cả với thời đại chúng ta đang sống. Trách nhiệm của chúng ta là phải vận dụng và phát triển sáng tạo triết học của C.Mác để giải quyết những vấn đề mà thời đại đang đặt ra cho phù hợp với điều kiện lịch sử mới. Thành công hay thất bại trong thực tiễn đều phụ thuộc vào thế hệ chúng ta và do chính chúng ta quyết định. □

(11) V.I.Lênin. *Toàn tập*, t. 18. Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1980, tr. 173.